TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **101** /2026/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 164/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn**: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 0370910016xx cấp ngày 12/8/2021;

Địa chỉ: xóm T, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn**: Chị Trần Thị V, sinh năm 2002; Căn cước công dân số: 0373020011xx cấp ngày 01/5/2021;

ĐKHKTT: xóm T, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, về con riêng.

- Về con chung: Giao con Trần Đăng K, sinh ngày 17/6/2024 cho anh Trần Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên. Giao con Trần Đăng K1, sinh ngày 28/3/2020 cho chị Trần Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về con riêng: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị V đều không đề nghị Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị V thỏa thuận để anh Q nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3739 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Trần Văn Q còn được hoàn lại số tiền 150.000 đồng trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh